

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HS-PT
Ngày: 19-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2024/TLPT-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo **Trương Hải Trường S** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2024/HS-ST ngày 25-4-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Trương Hải Trường S** (Chó Con), sinh năm: 1996 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: **Số E, Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 4/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Nguyễn Văn T** (không rõ năm sinh) và bà **Trương Thị Thu N**, sinh năm 1963; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 05/10/2023 đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 23/03/2023, **Trương Hải Trường S** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave chở **Huỳnh Quang S1**; sinh năm 1992, ĐKTT: **số B, đường N, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre** lưu thông trên **đường N hướng từ phường A về Phường D, thành phố B**. Khi đến khu vực trước trụ sở **Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh B** (cũ) **khu phố C, phường A, thành phố B, S1 gặp Nguyễn Hoài H**; sinh năm 1993, ĐKTT: **ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, biển số 71K9-3073 chở **Lê Thành H1**, sinh ngày: 08/06/1997; ĐKTT: **Số B, Khu phố C, Phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Trường Sơn bức tức về việc nghe người tên **B** (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) nói

Lê Thành H1 nói T có bán ma túy nên giữa T và Lê Thanh H2 xảy ra mâu thuẫn cự cãi, hai xe chạy gần nhau va quệt làm cả hai xe bị ngã, sau khi đứng dậy S1 thấy H2 thò tay vào lưng quần định lấy cây xăm gạo ra (do Trường S nhìn thấy phần cán của cây xăm gạo nằm ngoài thắt lưng của H2 và H2 cũng thừa nhận mang theo cây xăm gạo) nên Trường S lấy 01 con dao đến chỗ của H2. Trường S đứng đối diện H2, tay trái vịn vai phải của H2 không cho H2 lấy cây xăm gạo ra, tay phải cầm dao đâm vào ngực trái và hông trái của H2 gây thương tích. Sau đó, S lên xe tẩu thoát về hướng Phường H, thành phố B.

Vật chứng: con dao là hung khí gây án sau khi gây án xong, bị cáo Trường S đã ném bỏ xuống sông B, không truy tìm được. Đối với 02 xe mô tô của Trương Hải Trường S và Nguyễn Hoài H điều khiển, sau khi gây thương tích cho H2, Trường S và H đã bán lại cho người khác nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Bản kết luận giám định số 205-23/KLTTCT-TTPYBT ngày 14/06/2023 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh B kết luận:

1. Các kết quả chính: Sẹo ngực trái khoảng 7 đường rạch giữa kích thước nhỏ. Sẹo dẫn lưu ngực trái kích thước nhỏ. Sẹo dẫn lưu hạ sườn trái kích thước nhỏ. Sẹo đường giữa trên – dưới rốn kích thước trung bình. Sẹo vai trái (đường giữa nách) kích thước trung bình. Sẹo dẫn lưu hố chậu phải kích thước nhỏ. Tổn thương màng phổi trái di chứng dày dính màng phổi nhỏ hơn $\frac{1}{4}$ diện tích phế trường. Cắt lách toàn bộ. Tổn thương cơ hoành phải can thiệp phẫu thuật, kết quả tốt. Khâu cầm máu thận trái.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Thành H1 tại thời điểm giám định là 62%.

3. Kết luận khác: Phân tích tỷ lệ từng vết thương: Sẹo ngực trái khoảng 7 đường rạch giữa kích thước nhỏ: 01% (Một phần trăm) căn cứ Chương 8 Mục I.1. Sẹo dẫn lưu ngực trái kích thước nhỏ: 01% (Một phần trăm) căn cứ Chương 8 Mục I.1. Sẹo dẫn lưu hạ sườn trái kích thước nhỏ: 01% (Một phần trăm) căn cứ Chương 8 Mục I.1. Sẹo đường giữa trên – dưới rốn kích thước trung bình: 02% (Hai phần trăm) căn cứ Chương 8 Mục I.2. Sẹo vai trái (đường giữa nách) kích thước trung bình: 02% (Hai phần trăm) căn cứ Chương 8 Mục I.2. Sẹo dẫn lưu hố chậu phải kích thước nhỏ: 01% (Một phần trăm) căn cứ Chương 8 Mục I.1. Tổn thương màng phổi trái di chứng dày dính màng phổi nhỏ hơn $\frac{1}{4}$ diện tích phế trường: 11% (Mười một phần trăm) căn cứ Chương 3 Mục III.5. Cắt lách toàn bộ: 31% (Ba mươi một phần trăm) căn cứ Chương 4 Mục IX.4. Tổn thương cơ hoành phải can thiệp phẫu thuật, kết quả tốt: 21% (Hai mươi một phần trăm) căn cứ Chương 3 Mục VI.2. Khâu cầm máu thận trái: 16% (Mười sáu phần trăm) căn cứ Chương 5 mục I.9.1. Cơ chế hình thành thương tích: do vật sắc nhọn gây ra.

Bản kết luận giám định số 6798/KLTTCT-C09B ngày 22/11/2023 của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Các kết quả chính: Sẹo ngực trái khoảng 7 đường rạch giữa kích thước nhỏ, bờ mép gọn. Sẹo vai trái (đường giữa nách) kích thước trung bình, bờ

mép gọn. Sẹo dẫn lưu ngực trái kích thước nhỏ. Sẹo dẫn lưu hạ sườn trái kích thước nhỏ. Sẹo đường giữa trên – dưới rốn kích thước trung bình. Sẹo dẫn lưu hố chậu phải kích thước nhỏ. Tổn thương màng phổi trái hiện không để lại di chứng. Cắt lách toàn bộ. Tổn thương cơ hoành phải can thiệp phẫu thuật, kết quả tốt. Khâu cầm máu thận trái.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích như sau: Sẹo ngực trái khoang liên sườn 7 đường nách giữa kích thước nhỏ: 01% (C, Mục I.1). Sẹo vai trái (đường giữa nách) kích thước trung bình: 02% (C, Mục I.2). Sẹo dẫn lưu ngực trái kích thước nhỏ: 01% (C, Mục I.1). Sẹo dẫn lưu hạ sườn trái kích thước nhỏ: 01% (C, Mục I.1). Sẹo mổ đường trắng giữa trên – dưới rốn kích thước trung bình: 02% (C, Mục I.2). Sẹo dẫn lưu hố chậu phải kích thước nhỏ: 01% (Chương 8, Mục I.1). Tổn thương màng phổi trái hiện không để lại di chứng: 03% (C, Mục III.1). Cắt lách toàn bộ: 33% (C, Mục IX.4). Tổn thương cơ hoành phải can thiệp phẫu thuật: 23% (C, Mục VI.2). Khâu cầm máu thận trái: 17% (C, Mục I.9.1). Áp dụng phương pháp cộng tại thông tư, xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Lê Thành H1 tại thời điểm giám định là 62%.

3. Kết luận khác: Thương tích trên người Lê Thành H1 có đặc điểm phù hợp do vật sắc, vật sắc nhọn tác động gây ra.

Quá trình điều tra, Trương Hải Trường S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với Kết luận giám định thương tích, lời khai bị hại và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được. Bị hại Lê Thành H1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 31.000.000 đồng là chi phí điều trị, đi lại ngoài ra không yêu cầu khoản nào khác. Bị cáo đồng ý nhưng chưa có tiền bồi thường. Bị hại xin giám nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bà Võ Thị Thanh H3 là mẹ của bị hại H1 không yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập do chăm sóc bị hại Lê Thành H1 và các chi phí khác.

Đối với con dao sau khi gây án xong, bị cáo đã ném bỏ xuống sông B, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được nên không có cơ sở xem xét xử lý trong vụ án. Đối với 02 xe mô tô của Trương Hải Trường S và Nguyễn Hoài H điều khiển, Cơ quan điều tra không thu giữ được và cũng không có căn cứ xác định 02 xe mô tô này hiện đang ở đâu, ai quản lý nên không xem xét xử lý trong vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2024/HS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trương Hải Trường Sơn p “Tội cố ý gây thương tích”. Căn cứ điểm d khoản 4 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Hải Trường S 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2023. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/4/2024, bị cáo Trương Hải Trường S kháng cáo yêu cầu xem xét lại Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo xác định kháng cáo là yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định phù hợp luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Trương Hải Trường Sơn p** “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 4 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo nên xử phạt bị cáo **S 08** (tám) năm tù là phù hợp. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trương Hải Trường S**; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo **Trương Hải Trường Sơn p** “Tội cố ý gây thương tích”. Căn cứ điểm d khoản 4 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Trương Hải Trường S 08** (tám) năm tù. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

- Bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định: khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 23/03/2023 tại khu vực trước trụ sở **Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh B** (cũ) thuộc **Khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre**, **Trương Hải Trường S** dùng dao (là hung khí nguy hiểm) đâm anh **Lê Thành H1 02** cái trúng ngực trái và vai trái của anh **H1** gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 62%.

Với ý thức, hành vi và hậu quả bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Trương Hải Trường Sơn p** “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 4 (thuộc các điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo **Trương Hải Trường S**, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng mẹ bị ung thư

nhưng không có giấy tờ chứng minh nên không có cơ sở xem xét, với mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 08 (tám) năm tù là đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Theo Văn bản phúc đáp số 50/CV-PY ngày 25/3/2024 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Bến Tre (BL 379) đối với tình trạng vị trí vết thương trên cơ thể của bị hại là rất nguy hiểm cho bị hại. Do vậy, hình phạt 08 (tám) năm tù là phù hợp nên được giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử;

[5] Về án phí: Bị cáo Trương Hải Trường S phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trương Hải Trường S, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm d khoản 4 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trương Hải Trường S (C) 08 (tám) năm tù** về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2023.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Trương Hải Trường S phải chịu là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- Công an và VKSND thành phố Bến Tre (2b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND phường Phú Khương, thành phố Bến Tre (1b);
- Trại tạm giam (1b)
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh

